

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực
Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BNN-LN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3649/SNN-TCCB ngày 08/11/2024 và ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1714/SKHCN-TĐC ngày 08/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ 06 (sáu) thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới lĩnh vực Chăn nuôi kèm theo Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để áp dụng thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, KH&ĐT,
Tài chính, NN&PTNT;
- PCVP Trần Công Thành;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ CÁC TTHC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. TTHC CẤP TỈNH

1. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 01
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	
	<i>a) Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i> - Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đối với nội dung hỗ trợ thực hiện xây dựng vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi bao gồm đường trục chính nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. - Đáp ứng điều kiện về cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Điều 38 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với các dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm. <i>b) Điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi:</i> - Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ. <i>c) Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi:</i> Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định hiện hành. <i>d) Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi:</i> Đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:	
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.	

2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư theo BM.CSCN01.01	x	
-	Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng;	x	
-	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư;		x
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm);		x
-	Văn bản chứng minh thuộc đối tượng di dời (đối với nội dung hỗ trợ chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời);		x
-	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn);		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh của thì quét (Scan) từ bản chính. + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT gửi văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư tới tổ chức, cá nhân: 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo BM.CSCN 02.01		

	- Quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm. - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; qua Dịch vụ bưu chính công ích; qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn ; - Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho đơn vị chuyên môn Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) để chủ trì xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y (CNTY)	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án: - Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án.	Công chức được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo Chi cục CNTY, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và	12 ngày	Mẫu 5; các văn bản chuyên môn tổ chức thẩm tra, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ

		PTNT/ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan		
B5	- Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết tại B4: +) Trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP. +) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản, nêu rõ lý do.	Công chức được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo Chi cục CNTY, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT và đơn vị liên quan	1,5 ngày	Mẫu 5; Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư (BM.CSCN02.01) hoặc văn bản từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ: +) Trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện gửi Văn bản cho tổ chức, cá nhân theo B8 và tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo. +) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện: Chuyển kết quả sang bộ phận TN&TKQ thực hiện bước 8.	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT; cán bộ chuyên môn được giao xử lý	0,5 ngày	Mẫu 5; Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư (BM.CSCN02.01) hoặc văn bản từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ
B7	Bộ phận TN&TKQ vào sổ theo dõi để trả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư (BM.CSCN02.01) hoặc văn bản từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ.
B8	Xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, tình hình phát triển chăn nuôi tại địa phương và kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư của tổ chức, cá nhân,	công chức được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo Chi cục CNTY, lãnh	Giờ hành chính	Văn bản tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ của tổ chức, cá nhân được

	Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp nhu cầu, đề xuất đầu tư công và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.	đạo Sở Nông nghiệp và PTNT		hỗ trợ đầu tư vào chăn nuôi
B9	Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	Công chức chuyên môn được giao xử lý và lãnh đạo của Sở Kế hoạch và đầu tư	Giờ hành chính	Văn bản và dự thảo Quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm
B10	Gửi Quyết định kế hoạch đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi Quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm tới Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân đề xuất hỗ trợ đầu tư.	Công chức chuyên môn, văn thư Sở Kế hoạch và đầu tư/Sở Tài chính/tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm
B11	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức hoặc nhân viên Bưu điện; tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm.
	<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh:</i> https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình. <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		

	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.CSCN01.01	Đề xuất hỗ trợ đầu tư  BM.CSCN01.01.docx
	BM.CSCN02.01	Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư  BM.CSCN02.01.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng QL Chăn nuôi, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		

2. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 02	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:		
	a) Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi; hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi: - Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện. b) Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. c) Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: Có chăn nuôi gia súc, gia cầm và xây dựng mới công trình khí sinh học đáp ứng đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT về xử lý chất thải chăn nuôi hoặc sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc xây dựng mới công trình khí sinh học, sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công nhận tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị nghiệm thu theo BM.CSCN01.02	x	
-	Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP	x	
-	Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ;	x	
-	Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh quý gần nhất trong trường hợp đang tiến hành sản xuất, kinh doanh.	x	

2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân: 32 ngày, tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân; - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
	Sau khi công trình, hàng mục công trình của dự án dự kiến được hỗ trợ hoàn thành; tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị nghiệm thu tới Sở Nông nghiệp và PTNT nơi thực hiện dự án để được hỗ trợ: <i>(i) Sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i> - Thực hiện xây dựng vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi bao gồm đường trục chính nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. - Chi phí mua vật tư, thiết bị thu gom, đóng gói, vận chuyển, sơ chế, chế biến, bảo quản phụ phẩm công nghiệp, nông nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với dự án có tổng công suất sản xuất thiết kế đạt tối thiểu 100.000 tấn/năm. - Kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với các dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm; <i>(ii) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi: chi phí xây dựng kho lạnh bảo quản sản phẩm thịt gia súc, gia cầm;</i> <i>(iii) Di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời;</i> <i>(iv) Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.</i>			

B1	- Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; qua Dịch vụ bưu chính công ích; qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn; - Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (Chăn nuôi và Thú y) để chủ trì xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Thành lập Hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu: Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng nghiệm thu có đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và đại diện các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong trường hợp cần thiết. - <i>Nội dung nghiệm thu:</i> mức độ hoàn thành công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, tình trạng hoạt động của dự án, việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP. - Công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ khi đáp ứng nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị	Công chức được giao xử lý, lãnh đạo Chăn nuôi và Thú y và lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và đại diện các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	06 ngày	Mẫu 01, 05 và các văn bản chuyên môn về Hội đồng và tiến hành nghiệm thu

	định số 106/2024/NĐ-CP và các điều kiện, mức hỗ trợ tương ứng với đối tượng tại Điều 5, 6, 7 và 10 Nghị định này.			
-	Hội đồng nghiệm thu tổ chức kiểm tra thực địa dự án trong trường hợp cần thiết. Căn cứ nội dung nghiệm thu, Hội đồng nghiệm thu xác định công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, mức hỗ trợ và lập Biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.		20 ngày làm việc tính từ khi ban hành Quyết định thành lập Hội đồng.	Biên bản nghiệm thu (BM.CSCN0 2.02)
B5	Xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân.	Công chức được giao xử lý, lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y và lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/UBND tỉnh	05 ngày làm việc tính từ ngày có Biên bản nghiệm thu của Hội đồng	Văn bản và Quyết định hỗ trợ đầu tư đối với dự án theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi (BM.CSCN0 3.02)
B6	Gửi Quyết định hỗ trợ đầu tư Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Quyết định hỗ trợ đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thực hiện thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.	Sở Nông nghiệp và PTNT/Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Giờ hành chính	Quyết định hỗ trợ đầu tư đối với dự án theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi (BM.CSCN0 3.02)
B7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức hoặc nhân viên Bưu điện; tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định hỗ trợ đầu tư đối với dự án theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả

				chăn nuôi (BM.CSCN0 3.02)
	<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i> <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx		
	BM.CSCN01.02	Đề nghị nghiệm thu hoàn thành dự án		

		 BM.CSCN01.02.docx
	BM.CSCN02.02	Biên bản nghiệm thu  BM.CSCN02.02.docx
	BM.CSCN03.02	Quyết định hỗ trợ đầu tư đối với dự án theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi  BM.CSCN03.02.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng QL Chăn nuôi, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		

3. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 03
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	
	<i>a) Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i> - Đáp ứng điều kiện về cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Điều 38 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. - Đáp ứng điều kiện cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Điều 55 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua bản quyền công nghệ từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm. - Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện.	

	<i>b) Điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi</i> - Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ. - Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện. <i>c) Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi</i> - Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định hiện hành. - Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. <i>d) Điều kiện hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ</i> - Đáp ứng quy định tại Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi. - Mua con giống có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y. - Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần đối với chi phí mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống hoặc chi phí mua gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ. - Gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ được nghiệm thu sau 38 tuần tuổi. <i>đ) Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi</i> - Đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi. - Có chăn nuôi gia súc, gia cầm và xây dựng mới công trình khí sinh học đáp ứng đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT về xử lý chất thải chăn nuôi hoặc sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc xây dựng mới công trình khí sinh học, sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công nhận tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
<i>a)</i>	<i>Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i>		

-	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo BM.CSCN01.03;	x	
-	Hoá đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí	x	
b)	<i>Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ: phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi; di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa (sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi; công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi):</i>		
-	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP;	x	
-	Hoá đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí.	x	
c)	<i>Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ:</i>		
-	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo BM.CSCN01.03;	x	
-	Giấy xác nhận về nguồn gốc hoặc lý lịch vật nuôi;	x	
-	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (nếu có);	x	
-	Chứng từ, hoá đơn mua bán con giống hoặc hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán con giống;	x	
-	Biên bản nghiệm thu gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ sau 38 tuần tuổi.	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ. - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).		
2.10	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị được hỗ trợ: <i>(i) Sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i> - Kinh phí mua bản quyền công nghệ từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm; - Chi phí mua bồn bảo quản thức ăn chăn nuôi dạng hàng rời tại trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn; - Chi phí mua giống cây trồng làm cây thức ăn chăn nuôi đối với dự án có diện tích đất trồng tối thiểu 10 ha/dự án. <i>(ii) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi:</i> - Chi phí quảng bá thương hiệu sản phẩm; - Chi phí về đào tạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi. <i>(iii) Di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp;</i> <i>(iv) Mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ;</i> <i>(v) Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi:</i> - Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.			

B1	- Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; qua Dịch vụ bưu chính công ích; qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn; - Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho đơn vị chuyên môn Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) để chủ trì xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ: - Hội đồng thẩm định hồ sơ có từ 07 đến 09 người gồm lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành và lãnh đạo UBND các huyện có liên quan. - Hội đồng thẩm định về tính xác thực và nội dung của thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra thực tế trong trường hợp cần thiết.	Công chức được giao xử lý, Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y và lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan	18,5 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Mẫu 01, 05; Văn bản chuyên môn của hội đồng, tổ chức thẩm định

B5	Xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết của B5				
-	Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu, ban hành văn bản và hồ sơ gửi UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.	Công chức chuyên môn được giao xử lý, Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Giờ hành chính	Mẫu 01, 05; Dự thảo QĐ phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc VB trả lời, nêu lý do	
-	Trường hợp không đạt yêu cầu, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; thực hiện theo Bước 8				
B6	UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.	UBND tỉnh	Giờ hành chính	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ	
B7	Văn thư chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ.	Văn thư	0,5 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ	
B8	Cán bộ TN&TKQ vào sổ theo dõi để trả cho tổ chức cá nhân.	Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên bưu điện; tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ	
<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i> <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>					
3	BIỂU MẪU				
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx			

	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.CSCN01.03	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí  BM.CSCN01.03.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng QL Chăn nuôi, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		

4. Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 04
----------	--------------------------	--------------------

2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	<i>Hồ sơ tổ chức, cá nhân đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ:</i>		
	Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ theo BM.CSCN01.04	x	
-	<i>Hồ sơ Sở Tài chính gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh giải ngân kinh phí hỗ trợ dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công:</i>		
	Kế hoạch đầu tư công hằng năm được UBND tỉnh giao;	x	
	Quyết định hỗ trợ đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh;	x	
	Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP;	x	
	Chứng từ chuyển tiền theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	x	
-	<i>Hồ sơ Sở Tài chính gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh giải ngân kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước:</i>		
	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh;	x	
	Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP (BM.CSCN01.04);	x	
	Chứng từ chuyển tiền theo quy định.	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết:		

	- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước tỉnh: Trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Kho bạc Nhà nước			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân; - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
	Tổ chức, cá nhân nộp văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ để được giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ: (i) Sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi; (ii) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi: chi phí xây dựng kho lạnh bảo quản sản phẩm thịt gia súc, gia cầm; (iii) Di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: - Chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; - Chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp. (iv) Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: - Công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn; - Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. (v) Mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

B1	- Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; qua Dịch vụ bưu chính công ích; qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn; - Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Mẫu 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ cho đơn vị chuyên môn Sở Tài chính để xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo đơn vị chuyên môn Sở Tài chính	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Đăng ký sử dụng tài khoản: Sở Tài chính thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản theo quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.	Sở Tài chính/Kho bạc Nhà nước	04 ngày tính từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ của tổ chức, cá nhân.	Mẫu 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B5	Gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước tỉnh.	Sở Tài chính/Kho bạc Nhà nước	10 ngày tính từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ	Mẫu 05 và hồ sơ giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân

			của tổ chức, cá nhân.	
B6	Giải ngân kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân	Sở Tài chính/Kho bạc Nhà nước/tổ chức, cá nhân	03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Mẫu 01, 06; Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân
	<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i> <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		

		 Mẫu 06.docx
	BM.CSCN01.04	Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ  BM.CSCN01.04.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng chuyên môn, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		

II. TTHC CẤP HUYỆN

1. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liên tỉnh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 05		
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH			
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:			
	Đáp ứng quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Chăn nuôi.			
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn			
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao	
a)	Hồ sơ người làm dịch vụ phối giống gửi Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc:			
-	Danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo có xác nhận của UBND cấp xã	x		
b)	Hồ sơ Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gửi Cơ quan chuyên môn cấp huyện:			
-	Quyết định giao nhiệm vụ của UBND tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc;	x		
-	Hợp đồng cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc giữa cơ sở được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc và cơ sở được lựa chọn cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc;	x		
-	Danh sách hộ chăn nuôi trâu, bò cái được phối giống nhân tạo theo BM.CSCN01.05 hoặc Danh sách hộ chăn nuôi lợn nái được phối giống nhân tạo theo BM.CSCN02.05	x		
-	Biên bản nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc đã được thực hiện.	x		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết:			

	- Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần. - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Hành chính công cấp huyện.			
2.7	Cơ quan thực hiện: Phòng chuyên môn cấp huyện (phòng Nông nghiệp và PTNT đối với huyện hoặc phòng Kinh tế đối với thành phố, thị xã) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp:			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái. - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Danh sách hộ chăn nuôi trâu, bò cái được phối giống nhân tạo hoặc Danh sách hộ chăn nuôi lợn nái được phối giống nhân tạo, hồ sơ theo mục 2.3, mẫu 03 (nếu có)
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn (phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với huyện hoặc phòng kinh tế đối với thành phố, thị xã) để xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3

B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Tổ chức thẩm định, nghiệm thu kết quả phối giống: UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ; phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương tổ chức nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc theo quy định.	Cán bộ được giao xử lý hồ sơ, phòng chuyên môn, đơn vị chuyên môn liên quan.	88,5 ngày tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ	Mẫu 05; Dự thảo, văn bản chuyên môn tổ chức thẩm định
B5	- Trường hợp kết quả thẩm định, nghiệm thu đạt yêu cầu, UBND cấp huyện thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc; công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) theo quy định của Luật Ngân sách; - Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	UBND cấp huyện/ Cán bộ được giao xử lý hồ sơ, phòng chuyên môn	Giờ hành chính	Mẫu 05; Dự thảo Văn bản hỗ trợ kinh phí cho đơn vị hoặc từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ.
B6	Xem xét, ký vào kết quả giải quyết tại B7	Lãnh đạo huyện	Giờ hành chính	Mẫu 05; Văn bản hỗ trợ kinh phí cho đơn vị hoặc từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ.
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ	Văn thư; cán bộ chuyên môn được giao xử lý	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Văn bản hỗ trợ kinh phí cho đơn vị hoặc từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ.
B8	Bộ phận TN&TKQ vào sổ theo dõi để trả cho tổ chức cá nhân.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Văn bản hỗ trợ kinh phí cho đơn vị hoặc từ chối, không đủ điều kiện hỗ trợ.

	<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i> <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Hành chính công cấp huyện để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.CSCN01.05	Danh sách hộ chăn nuôi trâu, bò cái được phối giống  BM.CSCN01.05.docx nhân tạo
	BM.CSCN02.05	Danh sách hộ chăn nuôi lợn nái được phối giống nhân tạo

		 BM.CSCN02.05.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng chuyên môn cấp huyện, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		

2. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.CSCN. 06	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:		
	Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo BM.CSCN01.06	X	
-	Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp;		X
-	Hoá đơn, chứng từ liên quan;	X	

-	<i>Giấy cam kết về thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với chuyển đổi ngành nghề khi thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi);</i>			x	
-	<i>Bản cam kết thực hiện công tác phối giống nhân tạo gia súc trong thời gian ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc).</i>			x	
	* Lưu ý khi nộp hồ sơ: + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính. + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.				
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).				
2.5	Thời hạn giải quyết: 40 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ				
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Hành chính công cấp huyện.				
2.7	Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Không				
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.				
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: - Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ. - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (đối với các trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện).				
2.10	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	- Tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện; qua Dịch vụ bưu chính công ích; qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn; - Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn	Tổ chức, cá nhân/Cán bộ TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện	Giờ hành chính	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của tổ chức, cá nhân và hồ sơ theo mục 2.3, Mẫu 03 (nếu có)	

	thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).			
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn (phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với huyện hoặc phòng kinh tế đối với thành phố, thị xã) để xử lý	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B3	Duyệt hồ sơ và chuyển công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ theo mục 2.3
B4	Thẩm định hồ sơ: UBND cấp huyện thẩm định hồ sơ.	Cán bộ được giao xử lý hồ sơ, phòng chuyên môn, đơn vị chuyên môn liên quan.	14 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Mẫu 05; các Dự thảo, văn bản chuyên môn tổ chức thẩm định
B5	- Trường hợp kết quả thẩm định B6 đạt yêu cầu, Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ của UBND cấp huyện cho đối tượng được hỗ trợ; - Trường hợp không đạt yêu cầu, từ chối thì dự thảo Văn bản trả lời cho đối tượng được hỗ trợ và nêu rõ lý do.	UBND cấp huyện/ Cán bộ được giao xử lý hồ sơ, phòng chuyên môn	3,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc Văn bản từ chối, nêu rõ lý do.
B6	Xem xét, ký vào kết quả giải quyết tại B7	Lãnh đạo huyện	01 ngày	Mẫu 05; Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc Văn bản từ chối, nêu rõ lý do.
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển kết quả cho bộ phận TN&TKQ	Văn thư; cán bộ chuyên môn được giao xử lý	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc Văn

				bản từ chối, nêu rõ lý do.
B8	Bộ phận TN&TKQ vào sổ theo dõi để trả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01,05,06; Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc Văn bản từ chối, nêu rõ lý do.
B9	Thực hiện hỗ trợ kinh phí: UBND cấp huyện thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách.	UBND cấp huyện	20 ngày tính từ ngày có Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ
<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i> <i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 chuyển sang Trung tâm Hành chính công cấp huyện để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>				
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		

	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.CSCN01.06	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của tổ chức, cá nhân  BM.CSCN01.06.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	Hồ sơ theo mục 2.3.	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện (nếu có).	
Hồ sơ được lưu tại Phòng chuyên môn cấp huyện, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và thực hiện lưu trữ theo quy định.		